

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2020/HSST
Ngày: 22/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, TP HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Xuân
2. Bà Đỗ Thị Kim Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:
Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 121/2020/TLST-HS ngày 30/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn M- Sinh năm 1970, tại Hà Nội; ĐKNKTT và nơi cư trú: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn Chiều (đã chết) và bà Vũ Thị Tiêm, Vợ: Nguyễn Thị Tám, có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không (Theo danh chỉ bản số 275 do công an huyện Thường Tín lập ngày 28/9/2020); Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Tạ Văn T -Sinh năm 1982, tại Hà Nội; ĐKNKTT và nơi cư trú: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Hoàng Phi và bà Phạm Thị Tụ, Vợ: Đỗ Thị Thu Thủy, có 02 con, con lớn sinh năm

2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: không (Theo danh chỉ bản số 277 do công an huyện Thường Tín lập ngày 28/9/2020); Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Dương Văn M1 -Sinh năm 1964, tại Hà Nội; ĐKNKTT và nơi cư trú: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn Chiều (đã chết) và bà Vũ Thị Tiêm, Vợ: Tạ Thị Túy, có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: không (Theo danh chỉ bản số 273 do công an huyện Thường Tín lập ngày 28/9/2020); Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hải Ân -Sinh năm 1963, tại Hà Nội; ĐKNKTT: nhà 8C-Đại Cồ Việt, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Trú tại: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: tự do; Trình độ văn hóa: 02/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu CÂ (đã chết) và bà Trịnh Thị Bích (đã chết), vợ: Quảng Thị Thu Hà, có 02 con, con lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Ngọc T1 -Sinh năm 1953, tại Hà Nội; ĐKNKTT và nơi cư trú: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Q tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn Đốc (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngóng, Vợ: Vũ Thị Lơ, có 04 con, con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: không (Theo danh chỉ bản số 274 do công an huyện Thường Tín lập ngày 28/9/2020); Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Trần Văn Q, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, Hà Nội.

2/ Ông Tạ Văn N, sinh năm 1969 (có mặt).

Trú tại: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, Hà Nội.

3/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 (có mặt).

Trú tại: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, Hà Nội.

4/ Ông Tạ Đình T3, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Trú tại: thôn G, xã N, huyện Thường Tín, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, Dương Văn M và Trần Văn Q đang ở tại nhà của M ở thôn G, xã N, huyện Thường Tín, Hà Nội thì Nguyễn Hải Â gọi điện cho M hỏi: “có văn nghệ tý không” (ý M có đánh chắn được thu bằng tiền không). M nói: “anh vào uống nước”. Một lúc sau Â đến, sau đó Dương Văn M1 (anh ruột của M) đến chơi. Lúc này M gọi điện cho Vũ Ngọc T1 đến ngồi uống nước. Sau khi T1 đến thì Q, Â, M1 và T1 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền tại nhà M. Cả nhóm thống nhất cách đánh chắn như sau: gom, ù xướng 60.000 đồng, dịch 20.000 đồng. Khi đánh chắn mỗi người sẽ phải gom mỗi người 300.000 đồng vào giữa chiếu, ai ù thì lấy tiền gom ở giữa chiếu. Nếu hết tiền gom thì mỗi người tiếp tục gom thêm 100.000 đồng để đánh tiếp, ai ù cước xướng thắng 60.000 đồng, ù “chì” thắng 80.000 đồng, ù “tôm” thắng 100.000 đồng, ù “bạch định”, “tám đỏ” thắng 200.000 đồng. M đồng ý cho mọi người chơi và mang bộ bài chắn 100 quân, 01 bát sứ có sẵn trong nhà M cho mọi người chơi, còn M ngồi xem. Trước khi đánh chắn, do T1 không mang tiền nên M cho T1 vay 500.000 đồng để đánh chắn. Khoảng 15 phút sau có Tạ Văn T, Tạ Ngọc Hiểu, Tạ Đình Tại, Tạ Văn N, Nguyễn Văn D đến nhà M. Thấy nhóm của Q, Â, T1, M1 đang đánh chắn T vào thay chỗ cho Q đánh chắn cùng Â, T1, M1. Nhóm của Q, N, D, M rủ nhau lập một bàn chắn ngồi dưới nền nhà của M. M mang thêm một bộ bài chắn 100 quân, 01 bát sứ ra rồi cùng Q, N, D đánh chắn được thu bằng tiền với hình thức sát phạt nhau như bàn đánh chắn của Â, T1, M1. Trong quá trình các đối

tượng đánh bạc M có thu của mỗi bàn chẵn 100.000 đồng tiền hồ phé để M phục vụ thuốc nước cho mọi người. Khi các đối tượng đánh bạc có Tạ Ngọc Hiếu và Tạ Đình Tại ngồi xem. Khoảng 17 giờ cùng ngày Công an huyện Thường Tín kiểm tra bắt quả tang các đối tượng về hành vi đánh bạc và thu giữ tang vật.

Tang vật thu giữ tại bàn đánh chẵn thứ nhất (ngồi ở trên phản, gồm các đối tượng Tạ Văn T, Nguyễn Hải Â, Vũ Ngọc T1, Dương Văn M1): 01 bộ bài chẵn 100 quân màu đỏ, số tiền trên chiếu bạc là 1.190.000 đồng (tiền gom là 570.000 đồng, thu tại chỗ ngồi của M1 120.000 đồng, thu tại chỗ ngồi của T 500.000 đồng). Ngoài ra, thu giữ trên người các đối tượng là 4.310.000 đồng trong đó thu giữ của T1 là 560.000 đồng, M1 là 1.330.000 đồng, Â là 380.000 đồng, T là 2.040.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc tại bàn chẵn thứ nhất là 5.500.000 đồng.

Tang vật thu giữ tại bàn đánh chẵn thứ hai (ngồi ở dưới nền nhà gồm Trần Văn Q, Nguyễn Văn D, Tạ Văn N, Dương Văn M): 01 bát sù, 01 bộ bài chẵn 100 quân màu đỏ, số tiền trên chiếu bạc là 1.330.000 đồng (tiền gom là 600.000 đồng, thu tại chỗ ngồi của Q là 210.000 đồng, thu tại chỗ ngồi của D là 520.000 đồng). Ngoài ra, thu giữ trên người các đối tượng là 3.540.000 đồng trong đó thu của Q là 1.550.000 đồng, D là 640.000 đồng, N là 340.000 đồng, M là 1.010.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc tại bàn chẵn thứ hai là 4.870.000 đồng.

Ngoài ra còn thu giữ của M, T, M1, Â, T1, Q, D, N, Tạ mỗi người một chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Dương Văn M đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, chuẩn bị công cụ đánh bạc và thu tại mỗi bàn chẵn 100.000 đồng để phục vụ thuốc, nước. M có tham gia chơi bạc cùng nhóm của Q, D, N. Khi đánh bạc có khoảng 1.510.000 đồng (trong đó có 200.000 đồng tiền hồ phé thu của mỗi bàn chẵn), khi bị bắt thu trên người 1.010.000 đồng.

Tạ Văn T sử dụng khoảng 2.540.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt T bị thu giữ trên chiếu bạc là 500.000 đồng và thu giữ trên người là 2.040.000 đồng.

Dương Văn M1 sử dụng khoảng 1.340.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt M1 bị thu giữ trên chiếu bạc là 120.000 đồng và thu giữ trên người là 1.330.000 đồng

Nguyễn Hải A sử dụng khoảng 500.000 đồng tham gia đánh bạc. Khi bị bắt A bị thu giữ trên người là 380.000 đồng.

Vũ Ngọc T1 sử dụng 500.000 đồng tham gia đánh bạc. Khi bị bắt T1 bị thu giữ trên người là 560.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 115/CT-VKS ngày 30/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố Dương Văn M về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322- Bộ luật hình sự năm 2015; Tạ Văn T, Dương Văn M1, Nguyễn Hải A, Vũ Ngọc T1 về tội “Đánh bạc ” theo khoản 1 Điều 321 - Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

* Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố đúng hành vi bị cáo đã thực hiện, thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh N, D, Q đều thừa nhận ngày 04/9/2020 đã tham gia đánh bạc tại nhà của Dương Văn M, tổng số tiền đánh bạc là 4.870.000 đồng. Đối với số tiền cơ quan điều tra đã thu giữ của mỗi người sử dụng để đánh bạc các ông N, D, Q không có ý kiến gì và đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

*Đại diện VKSND huyện Thường Tín giữ nguyên quan điểm truy tố Dương Văn M về tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322- Bộ luật hình sự năm 2015; Tạ Văn T, Dương Văn M1, Nguyễn Hải A, Vũ Ngọc T1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 - Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị:

- Xử phạt Dương Văn M từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng về tội “Gá bạc”.

- Xử phạt Tạ Văn T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt Dương Văn M1 từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 18 tháng đến 24 tháng về tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt Nguyễn Hải Â từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc T1 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân và 02 bát sù

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền là: 10.3470 đồng thu giữ trên hai chiếu bạc (thu giữ tại bàn đánh chắn thứ nhất là 5.500.000 đồng, thu giữ tại bàn đánh chắn thứ hai là 4.870.000 đồng).

+ Trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án các điện thoại đã thu giữ do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Thường Tín, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04/9/2020, tại nhà ở của mình tại thôn G, xã N, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Dương Văn M đã đồng ý cho các đối tượng đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền. Các đối tượng đánh bạc cùng lúc và chia làm 02 chiếu bạc. Chiếu bạc thứ nhất gồm: Tạ Văn T, Dương Văn M1, Nguyễn Hải Â, Vũ Ngọc T1, tổng số tiền đánh bạc là 5.500.000

đồng. Chiều bạc thứ hai gồm: Trần Văn Q, Nguyễn Văn D, Tạ Văn N, Dương Văn M, tổng số tiền đánh bạc là 4.870.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc của hai chiều là 10.370.000 đồng. Trong quá trình đánh bạc M cung cấp cho mỗi chiều bạc các dụng cụ đánh bạc là 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 bát sứ và thu của mỗi chiều bạc là 100.000 đồng tiền hồ phé. Như vậy, hành vi của Dương Văn M đã phạm tội “Gá bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tạ Văn T, Dương Văn M1, Nguyễn Hải Â, Vũ Ngọc T1 tham gia đánh bạc hình thức đánh chắn được thu bằng tiền. Tổng số tiền đánh bạc của các đối tượng là 5.500.000 đồng. Như vậy hành vi của Tạ Văn T, Dương Văn M1, Nguyễn Hải Â, Vũ Ngọc T1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321- Bộ luật Hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín truy tố các bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác. Do vậy cần thiết phải xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét vai trò của các bị cáo:

Dương Văn M là chủ nhà đồng ý cho các đối tượng đánh bạc, cung cấp các dụng cụ để đánh bạc, thu tiền hồ phé của các chiều bạc. Do vậy M có vai trò cao nhất.

Đối với các bị cáo đánh bạc: Tạ Văn T là người có số tiền đánh bạc nhiều nhất. Dương Văn M1 có số tiền đánh bạc thứ hai sau T. Nguyễn Hải Â và Vũ Ngọc T1 có số tiền đánh bạc bằng nhau. Các bị cáo T, M1, Â, T1 đều có vai trò đồng phạm tích cực.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo M, T, M1, Â, T1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn. Như vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo M có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia

đình. Bị cáo T có bố đẻ được tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng 3. Bị cáo M1 là quân nhân đã tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc. Bị cáo A có bố đẻ là liệt sỹ. Bị cáo T1 được tặng Giấy khen vì có thành tích trong tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Các bị cáo M, T, M1, A, T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo. Đối với bị cáo A, T1 số tiền đánh bạc không lớn có thể chuyển sang mức hình phạt thấp hơn cũng phù hợp để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Đối với Dương Văn M cho Vũ Ngọc T1 vay 500.000 đồng để đánh bạc nhưng M không hưởng lợi gì khi cho T1 vay tiền. Hành vi của M đánh bạc cùng nhóm Q, D, N với tổng số tiền đánh bạc là 4.870.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc nên Cơ quan cảnh sát điều tra không khởi tố M về hành vi đánh bạc. Ngày 09/11/2020 Công an huyện Thường Tín đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Dương Văn M về hành vi đánh bạc theo điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có căn cứ.

[7] Đối với Trần Văn Q lúc đầu có tham gia chơi bạc cùng với Nguyễn Hải A, Dương Văn M1, Vũ Ngọc T1 nhưng sau đó Tạ Văn T vào thay chân cho Q. Do đó, tại thời điểm Q đánh bạc cùng A, M1, T1 chưa xác định được số tiền đánh bạc cụ thể. Sau đó Q sang đánh bạc cùng nhóm của M, D, N. Tổng số tiền đánh bạc của các đối tượng là 4.870.000 đồng chưa đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc. Về nhân thân Q, D, N chưa có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với Q, D, N về tội đánh bạc. Ngày 09/11/2020 Công an huyện Thường

Tín đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đối với Q, D, N là đúng quy định pháp luật.

[8] Đối với Tạ Đình Tại và Tạ Ngọc Hiếu: Ngày 04/9/2020 Tại và Hiếu có mặt ở nhà M nhưng không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

[9] Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ: Xét các bị cáo đều phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

[11] Về số tiền 200.000 đồng Dương Văn M thu của hai chiếu bạc: Số tiền trên M đã sử dụng để đánh bạc, cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 1.010.000 đồng trong đó có 200.000 đồng tiền hồ phé. Do đó, không buộc bị cáo phải truy nộp 200.000 đồng tiền thu lời bất chính sung quỹ Nhà nước.

[12] Về vật chứng:

- Đối với 02 bộ bài chắn và 02 bát sừ đây là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền cơ quan điều tra đã thu giữ là tổng cộng là: 10.370.000 đồng thu giữ trên hai chiếu bạc (thu giữ tại bàn đánh chắn thứ nhất là 5.500.000 đồng, thu giữ tại bàn đánh chắn thứ hai là 4.870.000 đồng) đây là số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các điện thoại đã thu giữ do không sử dụng làm phương tiện để đánh bạc.

[13] Về án phí: Các bị cáo M, T, M1, A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 - Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo T1 là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[14] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333- Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố Dương Văn M phạm tội “Gá bạc”, Tạ Văn T, Dương Văn M1, Nguyễn Hải Á, Vũ Ngọc T1 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Dương Văn M.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Tạ Văn T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 - Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Dương Văn M1.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 - Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Nguyễn Hải Á.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 - Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với Vũ Ngọc T1.

Xử phạt:

1/ Phạt Dương Văn M 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo M cho UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Phạt Tạ Văn T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án

Giao bị cáo T cho UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Phạt Dương Văn M1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo M1 cho UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4/ Phạt Nguyễn Hải Â 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bản sao bản án và quyết định thi hành án được giao cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú.

Giao bị cáo Â cho UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

5/ Phạt Vũ Ngọc T1 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bản sao bản án và quyết định thi hành án được giao cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú.

Giao bị cáo T1 cho UBND xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân và 02 bát sứ (đã chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/11/2020) .

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 10.370.000 đồng do Cơ quan điều tra thu giữ (đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín theo ủy nhiệm chi số 68 ngày 30/11/2020).

- Trả lại cho Dương Văn M 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Pus màu vàng, số IMEI: 353810083951678; Tạ Văn T 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung màu đen, số IMEI: 359051096720; Dương Văn M1 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung J7 màu đen; Nguyễn Hải Â 01 điện thoại nhãn hiệu Mastel màu đen, số IMEI: 358414103550381; Vũ Ngọc T1 01 điện thoại nhãn hiệu Philips màu nÂ, số IMEI: 865930030391298; Trần Văn Q 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu vàng, số IMEI: 353257078503652; Nguyễn Văn D 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI: 354493095807052; Tạ Văn N 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5s, màu trắng, số IMEI: 358758052619658; Tạ Đình Tại 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 220 màu đen, số IMEI: 357149064838125 do Cơ quan điều tra đã thu giữ (đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/11/2020).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 – Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo M, T, M1, Â mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo T1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333- Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Các bị cáo M, T, M1, Â, T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn Q, anh Nguyễn Văn D, anh Tạ Văn N có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Tạ Đình Tại có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

